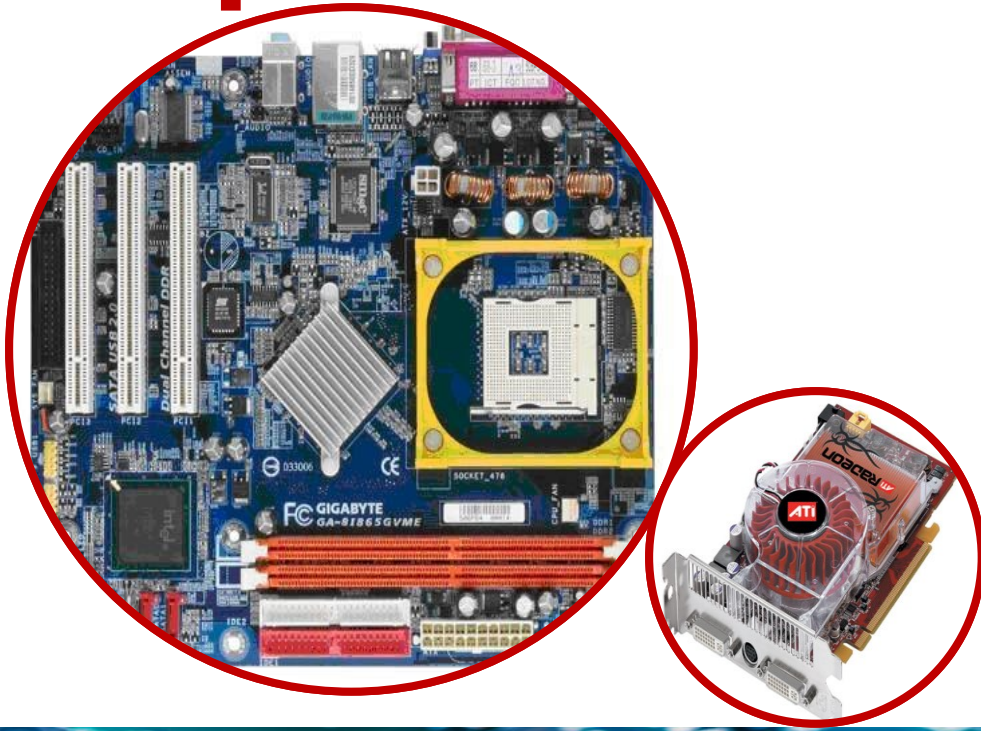


HỆ ĐIỀU HÀNH MS-DOS





NỘI DUNG

- 1. Giới thiệu MS-DOS**
- 2. Các khái niệm cơ bản**
- 3. Các lệnh về thư mục**
- 4. Các lệnh về tập tin**
- 5. Các lệnh hệ thống**
- 6. Các lệnh về đĩa từ**



NỘI DUNG

- 1. Giới thiệu MS-DOS**
- 2. Các khái niệm cơ bản**
- 3. Các lệnh về thư mục**
- 4. Các lệnh về tập tin**
- 5. Các lệnh hệ thống**
- 6. Các lệnh về đĩa từ**



1. Giới thiệu MS-DOS

- ❖ MS DOS viết tắt của từ **M**icrosoft **D**isk **O**perating **S**ystem.
- ❖ Là một hệ điều hành có giao diện dòng lệnh (*command-line interface*).
- ❖ Ra đời tháng 5 năm 1982
- ❖ Là hệ điều hành đơn nhiệm -> MS-DOS chỉ cho phép chạy một ứng dụng duy nhất tại một thời điểm.
- ❖ Đối với hệ điều hành Windows là một hệ điều hành đa nhiệm (*multi-tasking*)



NỘI DUNG

1. Giới thiệu MS-DOS
2. Các khái niệm cơ bản
3. Các lệnh về thư mục
4. Các lệnh về tập tin
5. Các lệnh hệ thống
6. Các lệnh về đĩa từ



2. Các khái niệm cơ bản

2.1. Tập tin (File)

- Là tập hợp những thông tin về một loại đối tượng dùng cho máy tính và được lưu trữ trên bộ nhớ thành một đơn vị độc lập.
- Dùng để lưu trữ thông tin. Hệ điều hành phân biệt các tập tin với nhau bằng tên của chúng.

`tên tập tin = <phần tên chính>.[phần mở rộng]`



2. Các khái niệm cơ bản

2.1. Tập tin (File)

❖ Cách đặt tên: gồm 2 phần:

- ▣ **Phần tên chính (filename):** bắt buộc phải có, tối đa 8 kí tự.
- ▣ **Phần mở rộng (extension):** có thể có hoặc không, dùng để xác định loại tập tin. Có tối đa 3 kí tự
- ▣ **Ví dụ:** BaiTap.doc

Trong đó: BaiTap là tên chính (filename)

.doc là phần mở rộng (extension)



2. Các khái niệm cơ bản

2.1. Tập tin (File)

❖ Ghi chú:

- Không dùng các tên sau đây để đặt cho tập tin:

CON, PRN, LPT1, LPT2, COM1, COM2,
AUX, LST, NUL,....



Ví dụ (Demo)

- ❖ **c:\>mkdir \\. \c:\con**
- ❖ **rd/s \\. \\C:\con**



2. Các khái niệm cơ bản

2.2. Các tập tin của hệ điều hành MS-DOS

- ❖ **IO.SYS**: đảm nhiệm chức năng giao tiếp giữa HĐH và các thiết bị của máy. Nó quản lý và điều khiển các thiết bị nhập xuất.
- ❖ **MSDOS.SYS**: Có nhiệm vụ quản lý tập tin, thực hiện đóng mở tập tin, dò tìm thư mục, xóa tập tin, đọc và ghi dữ liệu lên đĩa.
- ❖ **COMMAND.COM**: Chứa các chương trình thông dịch và xử lý các lệnh của DOS do chúng ta gõ vào, phân tích cú pháp, cho thực hiện lệnh, kể cả nạp và thi hành các chương trình khác



2. Các khái niệm cơ bản

2.3. Thư mục (Directory)

- ❖ Thư mục dùng lưu trữ các tập tin cùng loại. HĐH quản lý thư mục theo nhiều cấp khác nhau.
- Trên mỗi ổ đĩa đều có một thư mục gốc (Root directory), thư mục gốc không có tên và được ký hiệu là “\”.
- Từ thư mục gốc ta có thể tạo các thư mục con (sub directory)



Thư mục gốc trong Windows

- ❖ %AppData%, %ProgramFiles%,
%CommonProgramFiles%,
%SystemDrive%, %SystemRoot%
- ❖ C:\>***set systemroot***
SystemRoot=C:\WINNT



Ví dụ

- ❖ C:\>**set** AppData
SystemRoot=.....
- ❖ C:\>**set** ProgramFiles
SystemRoot=.....
- ❖ C:\>**set** SystemDrive
SystemRoot=.....



2. Các khái niệm cơ bản

2.6. Ổ đĩa, thư mục hiện hành

- ❖ Ổ đĩa hiện hành là ổ đĩa đang truy xuất (đang sử dụng)
- ❖ Thư mục hiện hành là thư mục đang truy xuất (đang sử dụng)



Ví dụ (Demo)

- ❖ Gõ cmd → thấy được thư mục hiện hành mặc định của bạn
- ❖ Ví dụ: Nếu đầu dòng trên màn hình cmd hiển thị là C:\giangday>
→ Thư mục hiện hành của bạn là gì?



2. Các khái niệm cơ bản

2.4. Các ký tự đại diện tập tin, thư mục (Wildcard)

- ❖ *: đại diện cho tất cả các ký tự
- ❖ ?: đại diện cho 1 ký tự
- ❖ Ví dụ: Có các tập tin BT1.doc, BT2.doc, BT5.doc, BT61.doc, BT100.doc, BT512.doc
- ❖ BT?.doc: đại diện cho 3 tập tin BT1.doc, BT2.doc, BT5.doc
- ❖ BT*.doc: đại diện cho tất cả 6 tập tin trên



Ví dụ (Demo)

- ❖ `Cd ..`
- ❖ `Cd C:\dayhoc`
- ❖ `Dir BT?.doc`
- ❖ `Dir BT*.doc`
- ❖ `Dir *.doc`
- ❖ `Dir *.*`



2. Các khái niệm cơ bản

2.5. Đường dẫn (Path)

- ❖ Đường dẫn là cách biểu diễn sự liên hệ giữa các thư mục ở các cấp
- ❖ Đường dẫn bắt đầu là thư mục gốc (ghi sau tên ổ đĩa)
- ❖ Giữa các thư mục cách nhau bởi dấu “\”
- ❖ Có 2 loại đường dẫn:
 - Đường dẫn tuyệt đối
 - Đường dẫn tương đối



2. Các khái niệm cơ bản

2.5. Đường dẫn (Path)

❖ Ví dụ:

➤ C:\GiangDay\BaiTap\KTLT

-> Đường dẫn tuyệt đối

➤ BaiTap\KTLT

-> Đường dẫn tương đối bắt đầu từ thư mục GiangDay



Ví dụ

- ❖ Trong ổ C:\ có thư mục “dayhoc”
- ❖ Trong thư mục dayhoc có thư mục baisoan
- ❖ → Hãy xem thông tin của thư mục baisoan bằng 2 cách: Đường dẫn tuyệt đối và đường dẫn tương đối



Cách dùng đường dẫn tuyệt đối (Demo)

- ❖ Không quan tâm đến vị trí hiện hành
- ❖ Gõ: DIR "C:\dayhoc\baisoan"



Cách dùng đường dẫn tương đối (Demo)

- ❖ Chuyển về ổ đĩa hiện hành về C:
- ❖ Gõ: DIR "dayhoc\baisoan"



Lệnh nội trú và ngoại trú

- ❖ **Lệnh nội trú:** là những lệnh nằm thường trực trong bộ nhớ máy khi đã được khởi động và sẵn sàng thực hiện lệnh khi ta gọi đến. Nhóm lệnh về thư mục, tập tin, thời gian và các lệnh khác.
- ❖ **Lệnh ngoại trú:** là những lệnh chứa các chức năng nào đó của điều hành nhưng ít được sử dụng hơn lệnh nội trú nên được để trên đĩa hay thư mục riêng để đỡ tốn bộ nhớ. Nhóm lệnh về ổ đĩa, tổ chức system, thuộc tính tập tin và các lệnh khác



NỘI DUNG

1. Giới thiệu MS-DOS
2. Các khái niệm cơ bản
3. Các lệnh về thư mục
4. Các lệnh về tập tin
5. Các lệnh hệ thống
6. Các lệnh về đĩa từ



3. Các lệnh về thư mục

- 3.1. Thay đổi ổ đĩa hiện hành**
- 3.2. Xem danh sách tập tin, thư mục (Directory)**
- 3.3. Thay đổi thư mục hiện hành (Change Directory)**
- 3.4. Tạo thư mục (Make Directory)**
- 3.5. Đổi tên thư mục**
- 3.5. Xem cấu trúc cây thư mục (Tree)**
- 3.6. Xoá thư mục (Remove Directory)**
- 3.7. Xoá cây thư mục (Delete Tree)**
- 3.8. Bài tập**
- 3.9. Tổng kết phần 3**



3. Các lệnh về thư mục

3.1. Thay đổi ổ đĩa hiện hành

❖ Cú pháp:

DRIVE:

❖ Ví dụ: chuyển sang ổ đĩa C:
C:



3. Các lệnh về thư mục

3.2. Xem danh sách tập tin, thư mục (Directory)

❖ Cú pháp:

DIR [ĐườngDẫn] /P /W /S /A

- ❖ /P: xem theo trang
- ❖ /W: xem danh sách tên theo hàng ngang
- ❖ /S (sub-directory): xem danh sách tập tin của thư mục kể cả trong thư mục con
- ❖ /A (attribute): kể cả các tập tin có thuộc tính bất kỳ (/Ah: ẩn, /Ar: chỉ đọc, /As: hệ thống, /Aa: lưu trữ)



3. Các lệnh về thư mục

3.2. Xem danh sách tập tin, thư mục

- ❖ Ví dụ:
- ❖ Xem danh sách tập tin/thư mục hiện hành
DIR
- ❖ Xem DS tập tin/thư mục ở thư mục C:\Windows kể cả thư mục con theo trang
DIR C:\Windows /S/P
- ❖ Xem DS tập tin/thư mục ở thư mục C:\Windows có phần mở rộng là *.txt
- ❖ DIR C:\Windows*.txt



3. Các lệnh về thư mục

3.3. Thay đổi thư mục hiện hành (Change Directory)

❖ Cú pháp:

CD [Đường Dẫn]

CD.: chuyển về thư mục cha

CD\: chuyển về thư mục gốc

❖ Ví dụ:

➤ Chuyển sang thư mục C:\Windows

C:

CD Windows



3. Các lệnh về thư mục

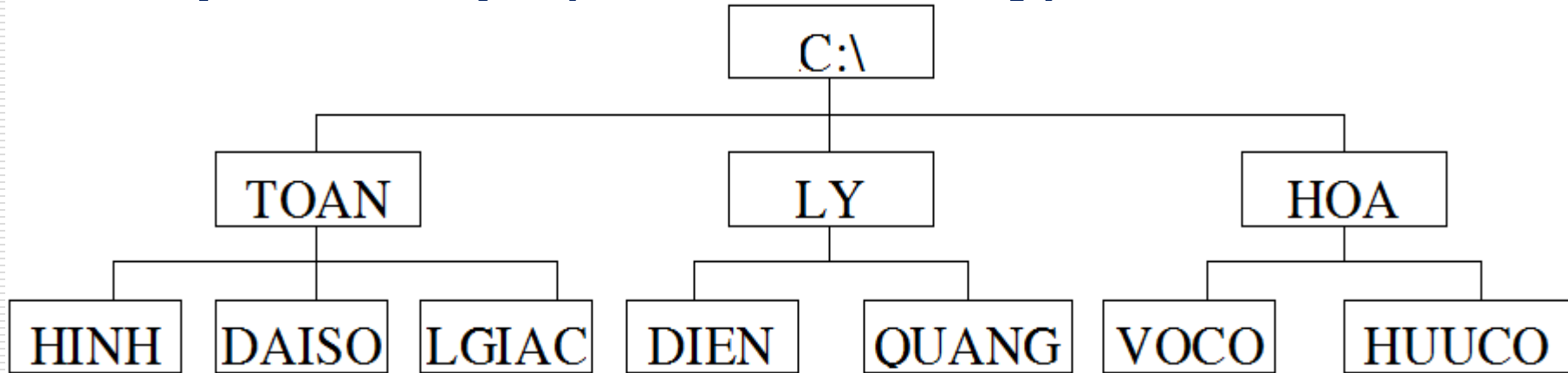
3.4. Tạo thư mục (Make Directory)

❖ Cú pháp:

```
MD [ĐườngDẫn]\[TênThưMục]
```

3. Các lệnh về thư mục

3.4. Tạo thư mục (Make Directory)



- MD C:\TOAN
- MD C:\TOAN\HINH
- MD C:\TOAN\DAISO
- MD C:\TOAN\LGIAC



Bài tập

- ❖ Tạo thư mục như sau trong ổ C:, biết rằng thư mục hiện hành là D:\Data. Chú ý: trong các câu lệnh command line không được có dấu "\"
- ❖ **C:**
 - **OnTap**
 - Baitap1**
 - Baitap2**
 - Vidu



3. Các lệnh về thư mục

❖ 3.5. Đổi tên thư mục

Rename <tên cũ> <tên mới>

**Ví dụ: Hãy đổi tên thư mục “TOAN” thành
“TOAN NANG CAO”**

Trở về Ổ đĩa hiện hành C:

Rename “TOAN” “TOAN NANG CAO”



3. Các lệnh về thư mục

3.5. Xem cấu trúc cây thư mục (Tree)

❖ Cú pháp:

TREE	[Đường Dẫn] /F MORE
------	----------------------

/F: kể cả tập tin

|MORE: Xem theo từng trang

Ví dụ: Xem cấu trúc thư mục TOAN của C:,
kể cả tập tin

TREE C:\TOAN /F



3. Các lệnh về thư mục

3.6. Xoá thư mục (Remove Directory)

❖ Cú pháp:

<code>RD [ĐườngDẫn] /S</code>

/S: kể cả thư mục con (xoá cả tập tin và thư mục con)

Lưu ý: lệnh RD chỉ xoá thư mục rỗng (ko có tập tin và thư mục con)



3. Các lệnh về thư mục

3.6. Xoá thư mục (Remove Directory)

❖ Ví dụ:

- Xoá thư mục DAISO (thư mục rỗng)

```
RD C:\TOAN\DAISO
```

- Xoá tất cả tập tin/thư mục TOAN

```
RD /S C:\TOAN
```



3. Các lệnh về thư mục

3.7. Xóa cây thư mục (Delete Tree)

❖ Cú pháp:

```
DELTREE [ĐườngDẫn] /Y
```

/Y: Xóa ko cần hỏi

Lưu ý: lệnh này tương đương lệnh RD /S

Ví dụ: Xóa toàn bộ thư mục TOAN

```
DELTREE C:\TOAN
```



3. Các lệnh về thư mục

3.8. Bài tập

Cho biết thư mục hiện hành là

C:\Document and Setting\User>

1. Trong thư mục C:\ có bao nhiêu thư mục và tập tin? Còn bao nhiêu bytes trống?
2. Dùng lệnh CD và lệnh DIR để xem trong các thư mục con của C:\ là "Downloads, Windows, Program Files, Recovery, Users" có bao nhiêu tập tin ?
3. Không dùng lệnh CD hãy thực hiện lại câu 2



3. Các lệnh về thư mục

3.8. Bài tập

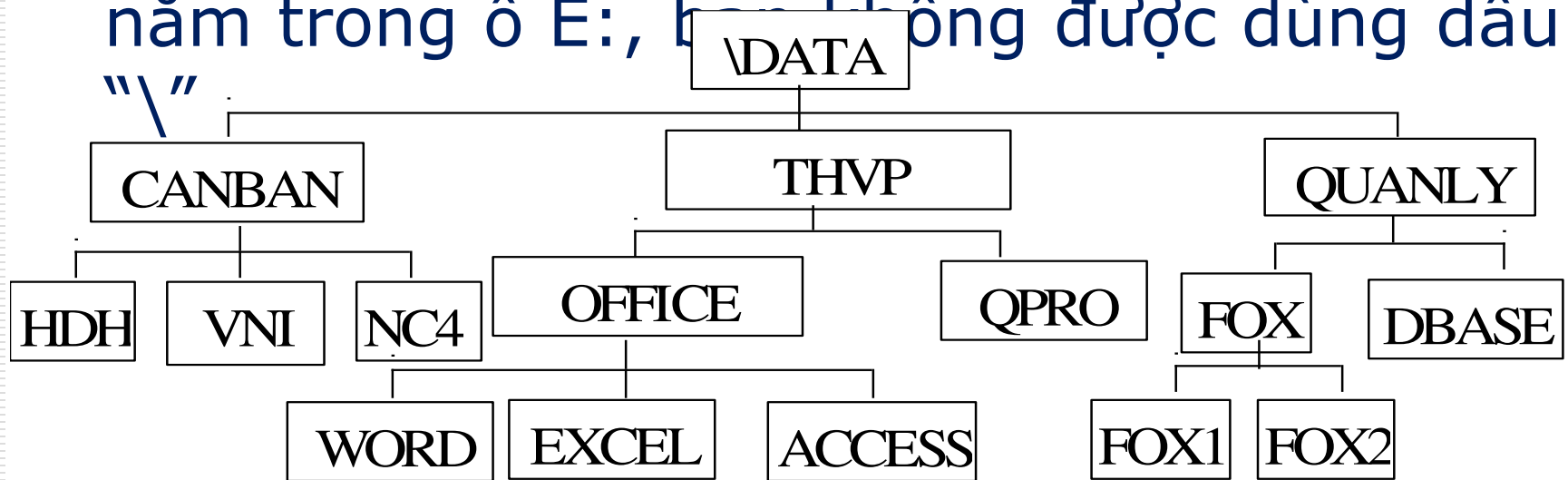
4. Chuyển thư mục hiện hành vào (không dùng dấu "\\") C:\WINDOWS\SYSTEM32. Sau đó xem trong thư mục này có bao nhiêu tập tin:

- a. Phần mở rộng là COM, EXE
- b. Ký tự đầu là D, M, C, T
- c. Ký tự thứ hai là O, E, C, I
- d. Ký tự thứ ba là S, O, E

3. Các lệnh về thư mục

3.8. Bài tập

5. Tạo cấu trúc cây thư mục như sau, biết ổ đĩa hiện hành là D: và thư mục gốc DATA nằm trong ổ E:, bạn không được dùng dấu "\".

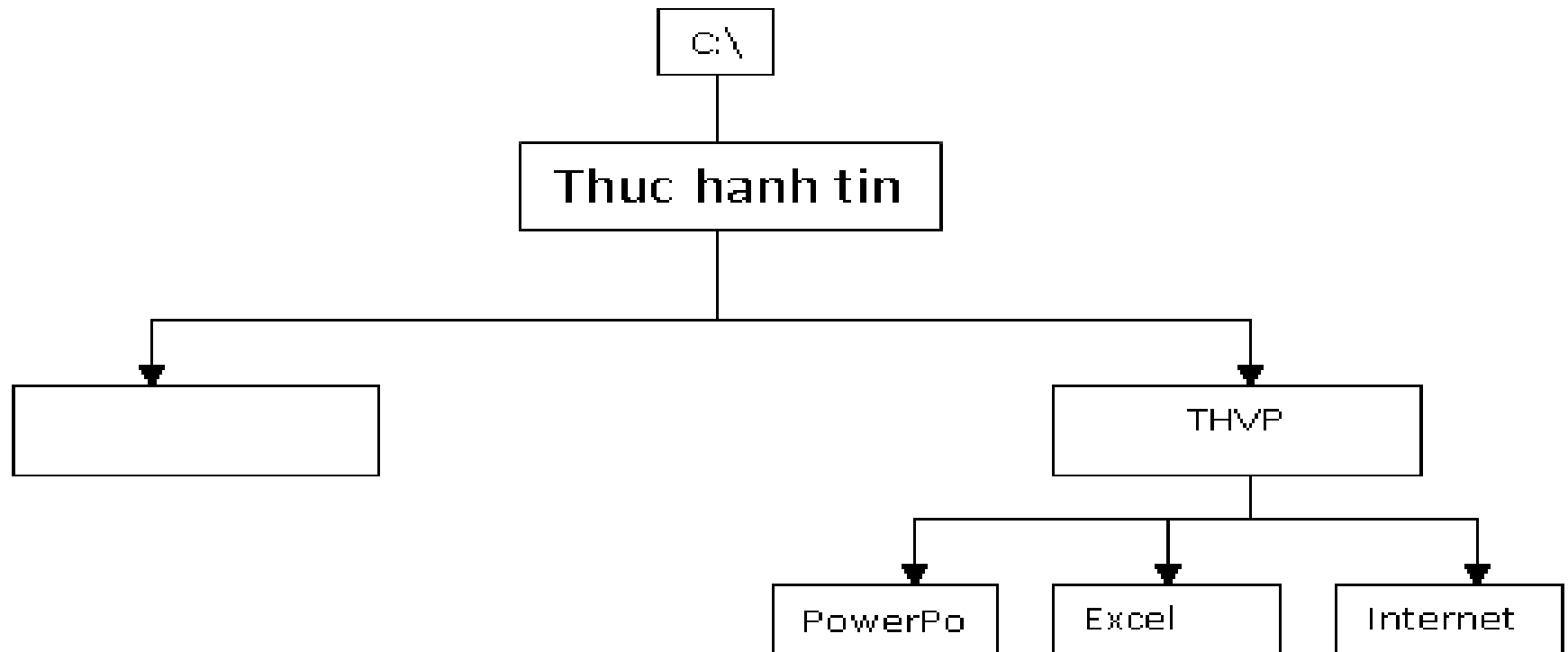


6. Xem cấu trúc thư mục DATA

7. Xóa thư mục DATA

Bài tập

(Cho biết ổ đĩa hiện hành là E:)





3. Các lệnh về thư mục

3.10. Tổng kết phần 3

Để xem thông tin (trợ giúp) của một lệnh MS-DOS bất kỳ sử dụng lệnh:

<LỆNH> /?

Ví dụ:

RD /?

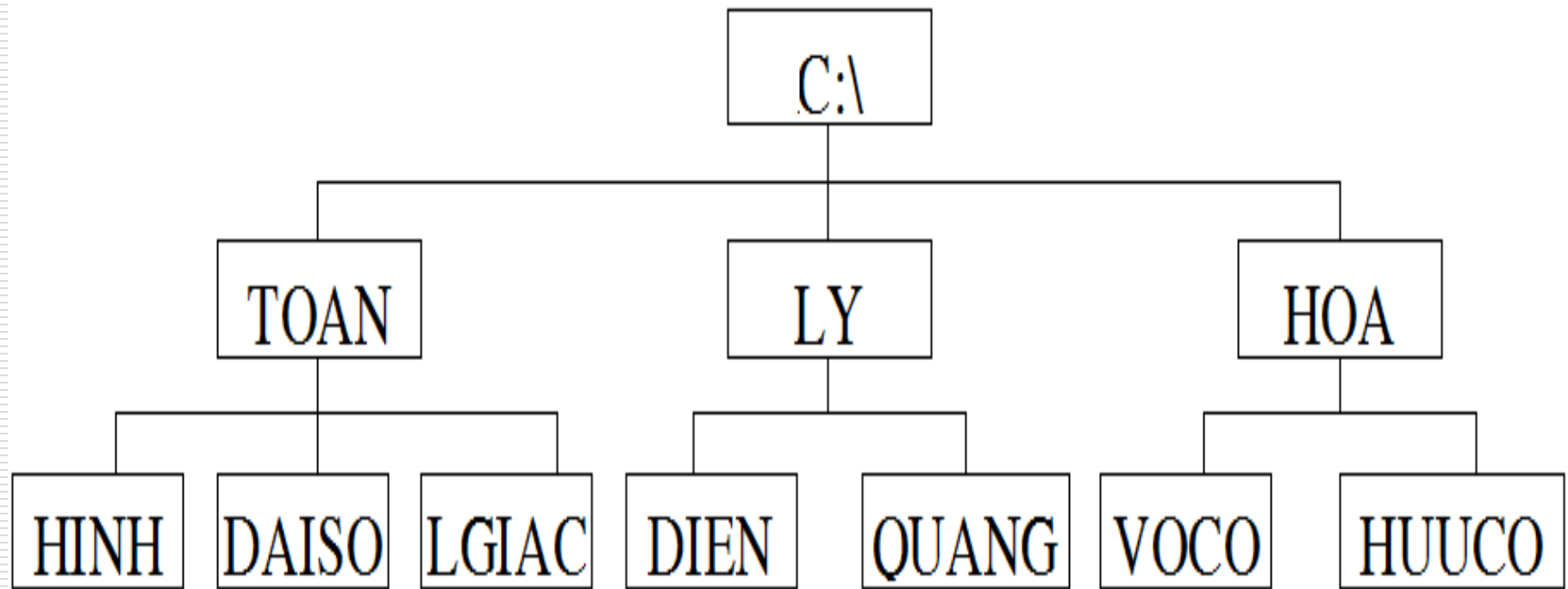
MD /?



NỘI DUNG

- 1. Giới thiệu MS-DOS**
- 2. Các khái niệm cơ bản**
- 3. Các lệnh về thư mục**
- 4. Các lệnh về tập tin**
- 5. Các lệnh hệ thống**
- 6. Các lệnh về đĩa từ**

Cây thư mục trong C:





4. Các lệnh về tập tin

4.1. Tạo tập tin văn bản

❖ Cú pháp:

COPY CON	[ĐườngDẫn]\[TênTậpTin]
----------	------------------------

Sau khi tạo xong nhấn phím F6 hoặc Ctrl + Z. Nếu xuất hiện thông báo "**1 file(s) copied**" thì tạo tập tin thành công

Ví dụ: Giả sử thư mục hiện hành là tại C:\.
Hãy tạo tập tin BAITAP.TXT trong thư mục HINH

COPY CON C:\TOAN\HINH\BAITAP.TXT



4. Các lệnh về tập tin

4.2. Xem nội dung tập tin

❖ Cú pháp:

TYPE	[ĐườngDẫn] MORE
------	------------------

|MORE: dừng từng trang

Ví dụ: Xem nội dung tập tin BAITAP.TXT ở thư mục HINH

TYPE C:\TOAN\HINH\BAITAP.TXT



4. Các lệnh về tập tin

4.3. Đổi tên tập tin (Rename)

❖ Cú pháp:

```
REN [ĐườngDẫn]\[TậpTinCũ] [TậpTinMới]
```

Ví dụ 1: Đổi tên tập tin BAITAP.TXT ở thư mục TOAN thành BT.DOC

```
REN C:\TOAN\BAITAP.TXT BT.DOC
```

Ví dụ 2: Đổi tên tất cả các tập tin có phần mở rộng .TXT trong thư mục THUCHANH của C:\ thành các tập tin có phần mở rộng .VR

```
REN C:\THUCHANH\*.TXT *.VR
```



4. Các lệnh về tập tin

4.4. Ghép nội dung các tập tin

❖ Cú pháp:

COPY [ĐườngDẫnTậpTin1]+[ĐườngDẫnTậpTin2] [ĐườngDẫnTậpTinMới]

Ví dụ: Ghép tập tin BAITAP.TXT trong thư mục HINH và tập tin BAIHOC.DOC trong thư mục LY thành tập tin BAI1.TXT

COPY

**C:\TOAN\HINH\BAITAP.TXT+C:\LY\BAIHOC.DOC
C:\LY\BAI1.TXT**



4. Các lệnh về tập tin

4.5. Sao chép tập tin (Copy)

❖ Cú pháp:

COPY [ĐườngDẫnNguồn] [ĐườngDẫnĐích]

Ví dụ 1: Chép tập tin BAITAP.TXT từ thư mục TOAN sang thư mục HOA

COPY C:\TOAN\BAITAP.TXT C:\HOA

Ví dụ 2: Chép tất cả các tập tin có phần mở rộng là .EXE từ C:\Windows vào thư mục C:\HDH

COPY C:\Windows*.EXE C:\HDH



4. Các lệnh về tập tin

4.6. Sao chép tập tin và thư mục (XCOPY)

❖ Cú pháp:

```
XCOPY [ĐườngDẫnNguồn] [ĐườngDẫnĐích] /S/E
```

/S: kể cả các thư mục con không rỗng

/E: kể cả các thư mục con rỗng

Ví dụ: Chép các tập tin và tất cả thư mục con từ thư mục C:\Windows vào ổ đĩa D:\

```
XCOPY C:\Windows D:\ /S/E
```



4. Các lệnh về tập tin

4.7. Di chuyển tập tin, thư mục (Move)

❖ Cú pháp:

MOVE [ĐườngDẫnNguồn] [ĐườngDẫnĐích]

Ví dụ: Di chuyển tập tin BAITAP.TXT từ thư mục TOAN sang thư mục LY

MOVE C:\TOAN\BAITAP.TXT C:\LY



4. Các lệnh về tập tin

4.8. Xóa tập tin (Delete)

❖ Cú pháp:

DEL [ĐườngDẫnTậpTin]

Ví dụ: Xóa các tập tin có phần mở rộng là TXT trong thư mục HINH

DEL C:\TOAN\HINH*.TXT



4. Các lệnh về tập tin

4.9. Xem/thay đổi thuộc tính tập tin/thư mục

❖ Cú pháp:

ATTRIB \pm A \pm R \pm H \pm S [Đường Dẫn]

+: thêm thuộc tính, -: xoá thuộc tính

A (archive): lưu trữ, R (Read only): chỉ đọc

H (Hidden); ẩn, S (System): hệ thống



4. Các lệnh về tập tin

4.9. Xem/thay đổi thuộc tính tập tin/thư mục

❖ Ví dụ:

Thêm thuộc tính ẩn, chỉ đọc cho tập tin
C:\TOAN\BAITAP.TXT

```
ATTRIB +H +R C:\TOAN\BAITAP.TXT
```

Xoá thuộc tính ẩn cho tập tin
C:\TOAN\BAITAP.TXT

```
ATTRIB -H C:\TOAN\BAITAP.TXT
```

Bài tập tổng hợp

Câu 1: Hãy tạo cây thư mục như sau và không được dùng dấu “\” trong CMD, biết rằng khi vào CMD ta thấy





```
C:\QLH\UIEN
```

```
└── KETOAN
```

```
    ├── KTOANDN
```

```
    ├── KTOANTC
```

```
    └── KTOANTIN
```

```
└── TINHOC
```

```
    ├── CANBAN
```

```
    └── VANPHONG
```



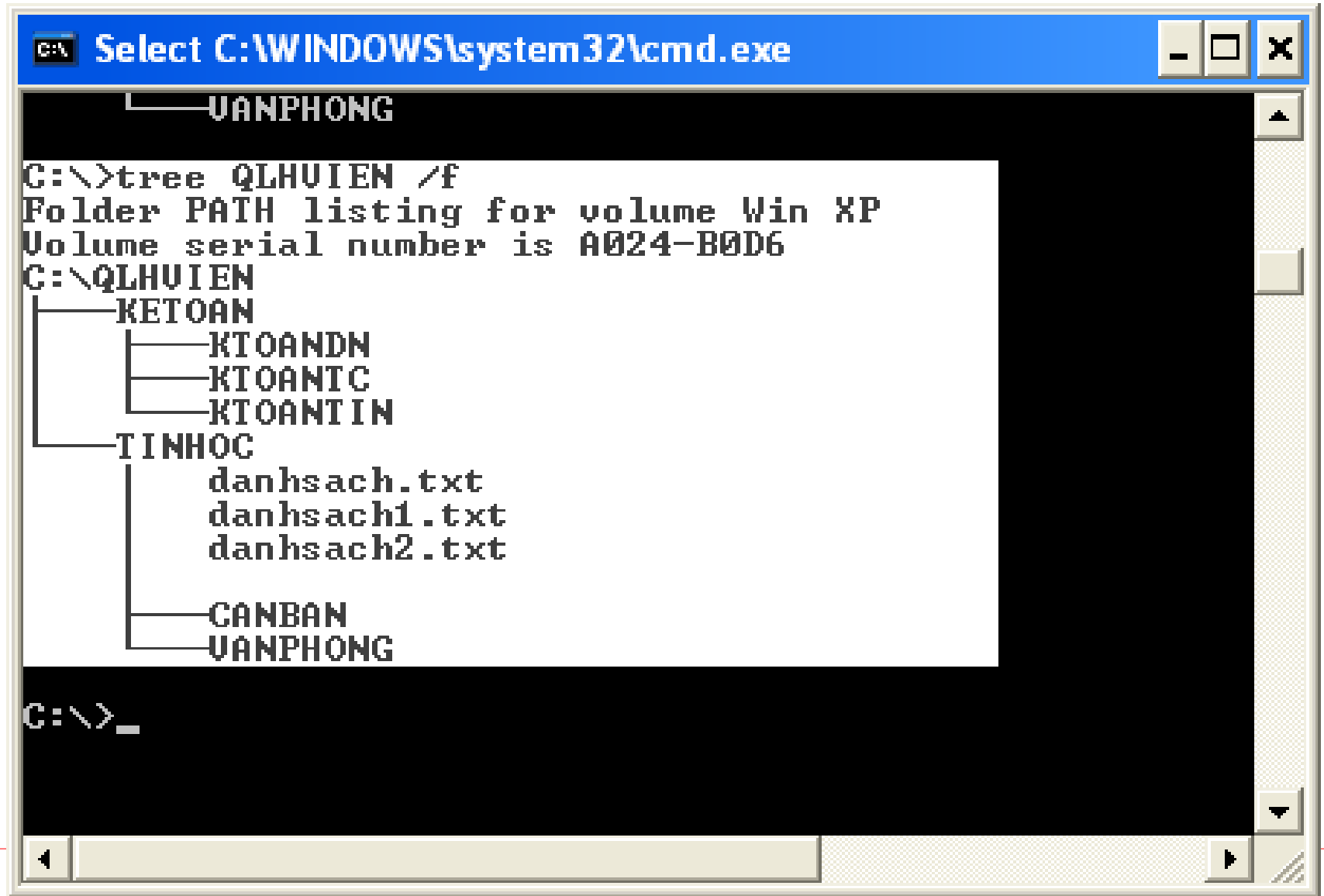

❖ Câu 2

Dùng lệnh tạo 2 tập tin: danh sach1.txt và danh sach2.txt với nội dung tư chọn như sau trong thư mục C:\QLHVIEN\TINHOC

Nội dung tập tin danh sach1.txt như sau: “Sau đây là danh sách lớp TCTH14A” và

Nội dung tập tin danh sach2.txt như sau: “Tổng cộng có 72 học sinh”

❖ Câu 3: Nối danh sách1.txt và danh sách2.txt thành danh sách.txt



```

Select C:\WINDOWS\system32\cmd.exe

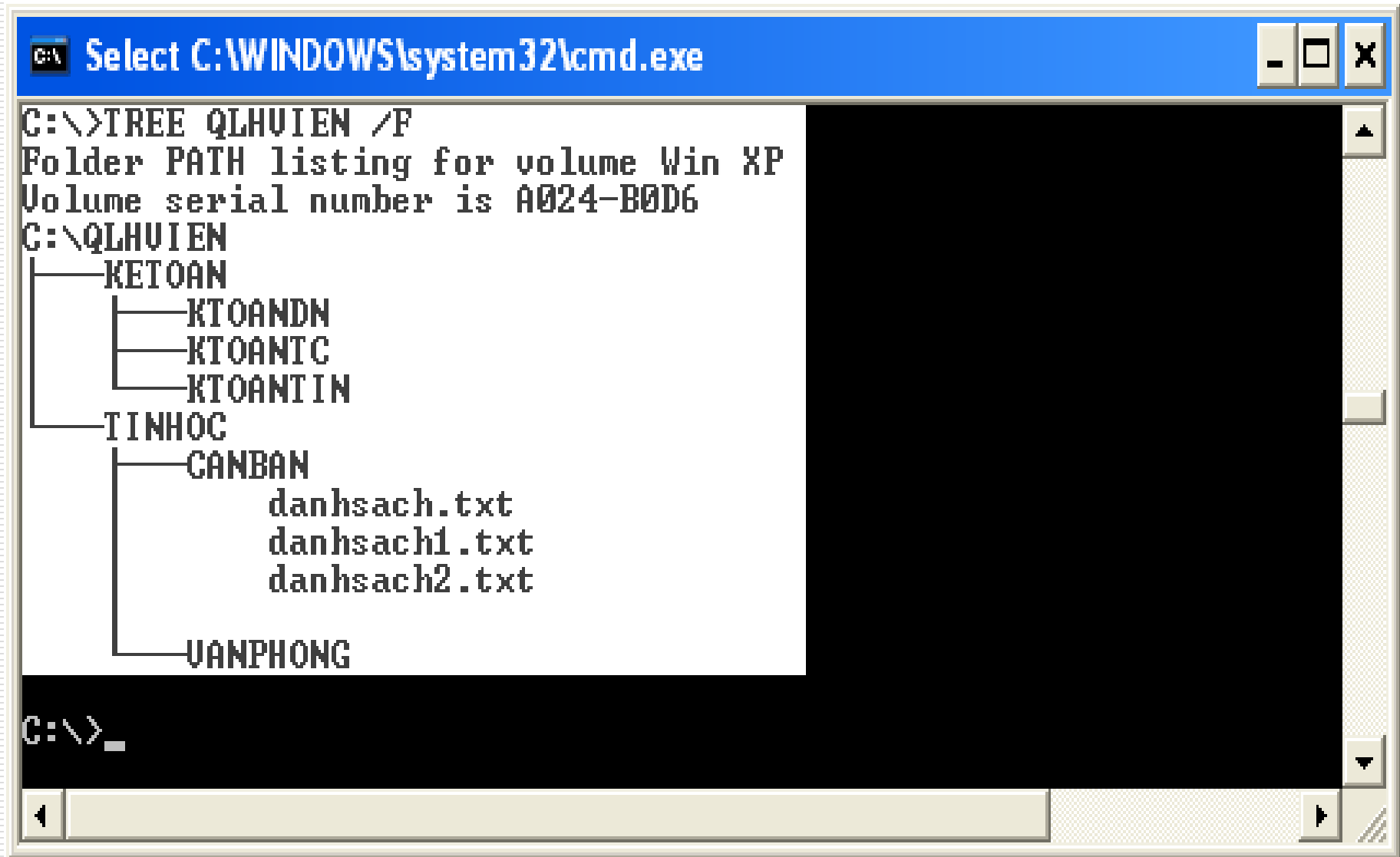
VANPHONG

C:\>tree QLHUIEN /f
Folder PATH listing for volume Win XP
Volume serial number is A024-B0D6
C:\QLHUIEN
├── KETOAN
│   ├── KTOANDN
│   ├── KTOANTC
│   └── KTOANTIN
├── TINHOC
│   ├── danh sách.txt
│   ├── danh sách1.txt
│   └── danh sách2.txt
├── CANBAN
└── VANPHONG

C:\>_

```

❖ **Câu 4:** Di chuyển tất cả các tập tin vừa tạo sang C:\QLHVIEN\TINHOC\CANBAN

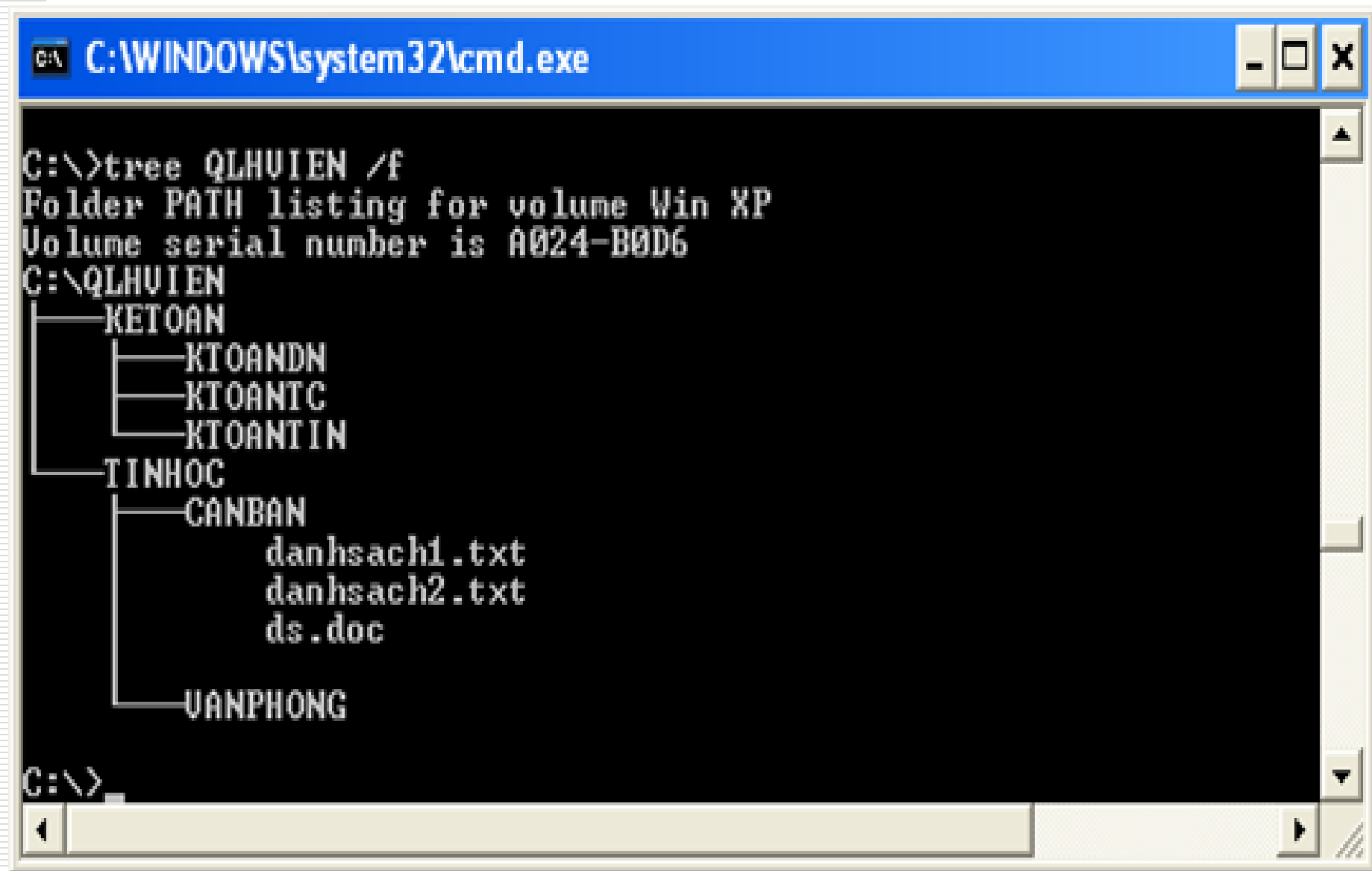


The screenshot shows a Windows XP command prompt window titled "Select C:\WINDOWS\system32\cmd.exe". The command entered is "C:\>TREE QLHUIEN /F". The output displays a folder tree for volume Win XP (serial number A024-B0D6). The tree structure is as follows:

```
C:\>TREE QLHUIEN /F
Folder PATH listing for volume Win XP
Volume serial number is A024-B0D6
C:\QLHUIEN
├── KETOAN
│   ├── KTOANDN
│   ├── KTOANTIC
│   └── KTOANTIN
├── TINHOC
│   ├── CANBAN
│   │   ├── danh sach.txt
│   │   ├── danh sach1.txt
│   │   └── danh sach2.txt
│   └── UANPHONG
```


The command prompt shows the prompt "C:\>" followed by a cursor.

Câu 5: Đổi tên tập tin danh sách.txt thành ds.doc



```
C:\WINDOWS\system32\cmd.exe

C:\>tree QLHUIEN /f
Folder PATH listing for volume Win XP
Volume serial number is A024-B0D6
C:\QLHUIEN
├── KETOAN
│   ├── KTOANDN
│   ├── KTOANTC
│   └── KTOANTIN
├── TINHOC
│   ├── CANBAN
│   │   ├── danh sach1.txt
│   │   ├── danh sach2.txt
│   │   └── ds.doc
│   └── UANPHONG
└──
```

- 
- ❖ Câu 6: Tạo thư mục VP1, VP2 trong thư mục VANPHONG
 - ❖ Câu 7: Xóa thư mục VP1
 - ❖ Câu 8: Xóa thư mục VANPHONG



NỘI DUNG

- 1. Giới thiệu MS-DOS**
- 2. Các khái niệm cơ bản**
- 3. Các lệnh về thư mục**
- 4. Các lệnh về tập tin**
- 5. Các lệnh hệ thống**
- 6. Các lệnh về đĩa từ**



5. Các lệnh về hệ thống

5.1. Xem/cập nhật ngày hệ thống

❖ Cú pháp:

DATE	[mm-dd-yy]
------	------------

mm: tháng, dd: ngày, yy: năm (2 chữ số)

Ví dụ 1: Xem ngày hệ thống

DATE

Ví dụ 2: Cập nhật ngày hệ thống 15-02-2011

DATE 02-15-11



5. Các lệnh về hệ thống

5.2. Xem/cập nhật giờ hệ thống

❖ Cú pháp:

TIME [hh:mm:ss]

hh: giờ, mm: phút, ss: giây (2 chữ số)

Ví dụ 1: Xem giờ hệ thống

TIME

Ví dụ 2: Cập nhật giờ hệ thống

TIME 13:00:00



5. Các lệnh về hệ thống

5.3. Xoá màn hình (Clear Screen)

❖ Cú pháp:

CLS



5. Các lệnh về hệ thống

5.4. Xem/ cài đặt các đường dẫn

❖ Cú pháp:

PATH=<path1;path2;path3;...>

Ví dụ 1: Xem các đường dẫn trước đó đã cài đặt

PATH

Ví dụ 2: Huỷ các đường dẫn trước đó đã cài đặt

PATH;

Ví dụ 3: Cài đặt các đường dẫn

PATH C:\DOS;C:\WINDOWS



NỘI DUNG

- 1. Giới thiệu MS-DOS**
- 2. Các khái niệm cơ bản**
- 3. Các lệnh về thư mục**
- 4. Các lệnh về tập tin**
- 5. Các lệnh hệ thống**
- 6. Các lệnh về đĩa từ**



6. Các lệnh về đĩa từ

6.1. Định dạng đĩa, phân vùng

❖ Cú pháp:

```
FORMAT <drive:> [/S][/Q]
```

/S: Định dạng đĩa hệ thống, có thể khởi động được

/Q: Định dạng nhanh (chỉ xoá dữ liệu, ko định dạng lại cấu trúc logic của đĩa)

Lưu ý: Lệnh này **sẽ xoá toàn bộ dữ liệu** trên phân vùng cần định dạng



6. Các lệnh về đĩa từ

6.1. Định dạng đĩa, phân vùng

Ví dụ 1: Định dạng đĩa C:

FORMAT C:

Ví dụ 2: Định dạng nhanh và hệ thống đĩa D:

FORMAT D: /Q/S



6. Các lệnh về đĩa từ

6.2. Đặt/xoá nhãn đĩa

❖ Cú pháp:

`LABEL <drive:> [label]`

Ví dụ: Đặt tên nhãn đĩa C: là DATA
`LABEL C: DATA`



6. Các lệnh về đĩa từ

6.3. Xem nhãn đĩa

❖ Cú pháp:

VOL <drive:>

Ví dụ: Xem tên nhãn đĩa D:

VOL D:

Q & A

